

Bản án số: 111/2024/DS-ST  
Ngày: 28-8-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Mai Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Trần Việt Quân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-DS ngày 25/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị N R1, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Bà Sơn Thị S V, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Ông P Q, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Thạch Thị S B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

2/ Chị Thạch Thị M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

3/ Chị Thạch Thị N R2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

4/ Chị Thạch Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

5/ Chị Thạch Thị R3, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

6/ Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

7/ Chị Thạch Thị N R4, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

8/ Chị Sơn Thị S R5, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

9/ Chị Thạch Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10/ Chị Thạch Thị S N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

11/ Chị Thạch Thị S M1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

12/ Chị Thạch Thị C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

13/ Chị Thạch Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

14/ Chị Thạch Thị Ú, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

15/ Chị Thạch Thị P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

16/ Chị Thạch Thị K M2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

17/ Chị Thạch Thị O, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

18/ Chị Thạch Thị P, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

19/ Chị Thạch Thị S M3, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị N R trình bày và yêu cầu:*

Chị có tổ chức mở 22 dây hội khui cùng ngày 26/12/2019 (ương lịch) do chị làm đầu thảo hội. Hình thức tham gia góp hội được thỏa thuận như sau: Loại hội 3.000.000 đồng có 15 phần, kỳ mở hội đầu tiên vào ngày 26/12/2019 (dl) sau đó 01 tháng khui 02 lần, hình thức lĩnh hội là thành viên trong dây hội bỏ thăm cao nhất thì hót, việc góp hội là sau khi đã mở hội thì đầu thảo đi gom tiền của hội viên sau đó giao tiền tại nhà hội viên được lĩnh hội. Mỗi người lĩnh hội thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 600.000 đồng/lần hót. Bà Sơn Thị S V và ông PQ tham gia tổng cộng 14 dây hội ở các dây 1 (02 phần), 4 (01 phần), 5 (01 phần), 6 (01 phần), 9 (01 phần), 10 (01 phần), 11 (01 phần), 16 (01 phần), 17 (01 phần), 18 (01 phần), 19 (01 phần), 20 (01 phần), 21 (01 phần), 22 (01 phần) lấy tên trong danh sách hội là “VQ”. Các dây hội này bà SV và ông PQ đã có kê hót hội, cụ thể như sau:

Dây số 1: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 1, kê số tiền 900.000 đồng nên hót được 28.500.000 đồng và lần khui thứ 7 kê số tiền 2.030.000 đồng nên hót được 24.860.000 đồng;

Dây số 4: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 5, kê số tiền 2.000.000 đồng nên hót được 21.100.000 đồng;

Dây số 5: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 3, kê số tiền 2.190.000 đồng nên hót được 14.820.000 đồng;

Dây số 6: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 3, kê số tiền 2.210.000 đồng nên hót được 14.580.000 đồng;

Dây số 9: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 7, kê số tiền 1.820.000 đồng nên hót được 26.540.000 đồng;

Dây số 10: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 4, kê số tiền 2.020.000 đồng nên hót được 18.880.000 đồng;

Dây số 11: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 4, kê số tiền 2.020.000 đồng nên hót được 18.880.000 đồng;

Dây số 16: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 2, kê số tiền 1.980.000 đồng nên hót được 15.360.000 đồng;

Dây số 17: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 5, kê số tiền 1.890.000 đồng nên hót được 22.200.000 đồng;

Dây số 18: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 6, kê số tiền 2.000.000 đồng nên hót được 23.100.000 đồng;

Dây số 19: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 6, kê số tiền 2.000.000 đồng nên hót được 23.100.000 đồng;

Dây số 20: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 7, kê số tiền 1.890.000 đồng nên hót được 25.980.000 đồng;

Dây số 21: Bà SV hót hội ở các lần khui thứ 6, kê số tiền 2.000.000 đồng nên hót được 23.100.000 đồng;

Dây số 22: Bà SV hốt hụi ở các lần khai thứ 9, kê số tiền 1.970.000 đồng nên hốt được 29.280.000 đồng;

Các dây hụi này đầu thảo tổ chức khai đến lần khai thứ 10, đến lần khai thứ 11 do các hụi viên không đến khai hụi nữa nên đầu thảo tuyên bố úp hụi, với 14 dây hụi nêu trên các hụi viên còn sống đã đóng cho bà SV và ông PQ số tiền 80.400.000 đồng. Sau khi úp hụi đầu thảo đã hoàn trả tiền hụi vốn cho các hụi viên còn sống trong các dây này nên chị N R1 yêu cầu bà Sơn Thị S V và ông PQ phải hoàn trả số tiền 80.400.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị Na R1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.190.000 đồng, chỉ yêu cầu bà SV PQ phải trả số tiền 40.210.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hụi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thạch Thị S B, Thạch Thị N R, Thạch Thị T, Thạch Thị R3, Sơn Thị S R, Thạch Thị M, Thạch Thị S N, Thạch Thị Ú, Thạch Thị O, Thạch Thị P, Thạch Thị S M trình bày: Sau khi úp hụi đầu thảo đã tính toán xong và không có tranh chấp với chị Na R1 trong vụ án này, đồng ý để chị Na R1 khởi kiện bà Sơn Thị S V và ông PQ; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại Thạch Thị T, Thạch Thị Sô P, Thạch Thị M1, Thạch Thị C, Thạch Thị N R2, Thạch Thị P, Thạch Thị K M4 không có ý kiến trình bày.

Đối với bị đơn bà Sơn Thị S V và ông PQ sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng bà SV và ông PQ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng có mặt, đối với bị đơn bà Sơn Thị S V và ông PQ vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do.

Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ hai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thạch Thị T, Thạch Thị Sô P, Thạch Thị M1, Thạch Thị C, Thạch Thị N R2, Thạch Thị P, Thạch Thị K M4 vắng mặt không rõ lý do lần thứ 2. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị N R1.

2. Buộc bà Sơn Thị S V, ông PQ phải liên đới trả cho chị Thạch Thị N R1 tiền hụi vốn đã nhận tổng cộng bằng 40.210.000 đồng, chị Na R1 không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét.

3. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn rút lại số tiền hui không có tranh chấp.

4. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị N R khởi kiện bà Sơn Thị S V và ông PQ phải hoàn trả tiền hui vốn mà các hui viên đã đóng, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa bà Sơn Thị S V và ông PQ vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn và đưa những hui viên còn sống (chưa hết hui) trong các dây hui chị Na R1 khởi kiện là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, đối với bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ hai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thạch Thị T, Thạch Thị Sô P, Thạch Thị M, Thạch Thị C, Thạch Thị N R2, Thạch Thị P, Thạch Thị K M1 vắng mặt không rõ lý do, những người có liên quan còn lại đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ban đầu chị Thạch Thị N R1 yêu cầu bà Sơn Thị S V và ông PQ phải trả tổng số tiền hui vốn mà các hui viên đã đóng hui sống tổng cộng bằng 80.400.000 đồng ở các dây 1, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 khai cùng ngày 26/12/20219 (dl) loại hui 3.000.000 đồng do chị Na R1 tổ chức làm đầu thảo hui. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Na R1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.190.000 đồng chỉ yêu cầu trả số tiền 40.210.000 đồng. Lý do trong dây hui có các phần của hui viên còn sống đã đóng hui vốn và sau khi hui úp chị đã có tính toán cân trừ và hoàn trả tiền hui vốn cho các hui viên này xong, tuy nhiên do chị không cung cấp được biên nhận giao nhận tiền của các hui viên này nên chị xin rút lại các phần hui trên của các hui viên Thạch Thị M (dây 1); Thạch Thị C (dây 5); Thạch Thị C, Thạch Thị T (dây 6); Thạch Thị C, Thạch Thị P, Thạch Thị Sô P (dây 11); Thạch Thị Sô P, Thạch Thị K M (dây 16); Thạch Thị N R2 (dây 18); Thạch Thị C (dây 19); Thạch Thị T, Thạch Thị N R3 (dây 20); Thạch Thị N R4, Thạch Thị P, Thạch Thị C (dây 21); Thạch Thị Mười, Thạch Thị C, Thạch Thị N R3 (dây 22). Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị Na R1 là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Na R1.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của chị Na R1 yêu cầu bà SV và ông PQ phải trả lại số tiền hội vốn đã nhận 40.210.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã sao gửi đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có liên quan đến các dây hội chị Thạch Thị N R khởi kiện để bà Sơn Thị S V, ông PQ có ý kiến trình bày hoặc phản bác lại yêu cầu khởi kiện của chị Na R1 cũng như các tài liệu chứng cứ mà chị Na R1 đã giao nộp nhưng bà SV, ông PQ không có ý kiến trình bày, do đó Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được là các văn bản trình bày ý kiến của các hội viên có tham gia góp các dây hội khai cùng ngày 26/12/2019 (dl) loại hội 3.000.000 đồng, do chị Na R1 tổ chức làm đầu thảo hội. Các hội viên có ý kiến cho rằng bà Sơn Thị S V, ông PQ có tham gia góp các dây hội lấy tên trong danh sách hội là “V Q”, đầu thảo có tổ chức khai từ lần thứ 1 đến lần khai thứ 10, lần khai thứ 11 thì đầu thảo úp hội, còn 05 lần nữa hội mãi. Ở các dây này bà SV tham gia đều đã có đến bỏ thăm và là người trúng thăm hốt hội, do các hội viên không đến khai hội nên đầu thảo tuyên bố úp hội, lẽ ra sau khi hốt hội thì bà SV phải có nghĩa vụ đóng hội chét đầy đủ cho đầu thảo cho đến khi mãn hội, nhưng do các dây này úp ở lần khai thứ 11 không có khai nữa, đầu thảo chị Na R1 đã hoàn trả số tiền vốn cho các hội viên còn lại và các hội viên này xác định không có tranh chấp không ai khởi kiện chị Na R1 nên bà Sơn Thị S V phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội vốn đã nhận mà các hội viên đóng.

[3.2] Đối với bị đơn ông PQ, Tòa án đã có sao gửi toàn bộ chứng cứ để ông có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị Na R1 nhưng ông không có ý kiến. Bà SV và ông PQ là vợ chồng, việc bà SV chơi hội có tiền sinh lời là nhằm để có điều kiện chăm lo cho phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà SV, ông PQ phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Na R1 số tiền hội nêu trên.

[4] Xét thấy quan điểm đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Buộc bà Sơn Thị S V và ông PQ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Thạch Thị N R1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị N R1.**

**2. Buộc bà Sơn Thị SV và ông PQ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Thạch Thị N R1 số tiền hụi vốn đã nhận là 40.210.000 đồng (trong đây hụi khai ngày 26/12/2029 (dl) loại hụi 3.000.000 đồng có 15 phần do chị Thạch Thị N R1 làm đầu thảo hụi).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 40.190.000 đồng do nguyên đơn xin rút lại không tranh chấp.**

**4. Về án phí: Buộc bà Sơn Thị SV và ông PQ phải chịu số tiền 2.010.500 đồng.**

Chị Thạch Thị N R không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Thạch Thị N R1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.010.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019892 ngày 30/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**